

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-PT

Ngày: 07-02-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ; bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 110/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Hồng H, sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1976; bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1981. Cùng cư trú tại: Ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông T1 vắng mặt không lý do, bà M có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Cao Hồng H trình bày:

Ngày 09-01-2016, bà và ông Lê Văn T1 thỏa thuận việc mua bán tài sản, nội dung ông T1 đóng và bán cho bà một bộ sa-lông bằng gỗ cẩm lai xuất xứ Campuchia, với giá 145.000.000 đồng, bà giao trước 45.000.000 đồng, ngày 15-3-2016 Âm lịch ông T1 sẽ giao sa-lông và bà sẽ trả đủ số tiền còn lại, việc thỏa thuận có viết giấy tay ông T1 ký tên.

Đến ngày 23-7-2016 không có sa-lông mà yêu cầu giao thêm 70.000.000 đồng, tổng cộng đã giao 115.000.000 đồng, ông T1 ký giấy biên nhận, ghi ngày giao là ngày 15-9-2016 nhưng sau đó bà đã đòi nhiều lần, ông T1 vẫn không giao và bỏ đi không về nhà, bà có gọi điện cho vợ ông T1 là bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà M nói là để hỏi lại ông T1 nhưng không có kết quả.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng mua bán sa-lông gỗ giữa bà và ông T1, yêu cầu ông T1 phải trả lại 115.000.000 đồng đã nhận. Do ông T1 vi phạm hợp đồng, giữ tiền của bà mà không giao hàng, gây thiệt hại nên bà yêu cầu bồi thường bằng hình thức trả tiền lãi, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 23-7-2016 đến ngày xét xử xong vụ án.

Bà M là vợ ông T1, sống chung và tiêu xài chung nên yêu cầu bà M liên đới trả.

Bị đơn ông Lê Văn T1: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Bà và ông T1 kết hôn, chung sống đã 20 năm nay, ông T1 chuyên đi mua gỗ ở Campuchia về thuê người khác đóng bàn ghế để bán, bà không quen biết bà H, không biết việc ông T1 thỏa thuận mua bán bộ sa-lông với bà H, giấy tay ghi ngày 09-01-2016 và biên nhận ghi ngày 23-7-2016 có chữ viết họ tên và chữ ký đúng là của ông T1 nhưng bà không biết việc này. Trước đây, có một lần bà H gọi điện bảo bà thông báo với ông T1 phải giao bộ sa-lông, bà có báo lại nhưng ông T1 không nói gì.

Ông T1 sống rất gia trưởng, có phụ lo chi tiêu trong gia đình và phụ nuôi con nhưng việc làm ăn không nói cho bà biết, bà không liên quan gì đến việc thỏa thuận giữa ông T1 và bà H nên không chấp nhận cùng ông T1 trả tiền cho bà Hiệp.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 110/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào Điều 305, 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Hồng H đối với ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Cao Hồng H 115.000.000 đồng tiền gốc và 32.775.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 147.775.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, bà Nguyễn Thị Ngọc M kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà liên đới trả tiền cho bà Cao Hồng H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M giữ nguyên kháng cáo.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Ông Lê Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Xét kháng cáo bà Nguyễn Thị Ngọc M, thấy rằng:

Trong Biên bản lấy lời khai ngày 02-8-2019 (bút lục 25) bà M xác định chữ ký và chữ viết họ, tên ông T1 trong giấy viết tay ghi ngày 09-01-2016 và biên nhận viết tay ghi ngày 23-7-2016 đúng là chữ ký và chữ viết của ông T1, thừa nhận bà Cao Hồng Hiệp có gọi điện yêu cầu ông T1 giao bộ sa-lông gỗ, hai tờ giấy viết tay nêu trên thể hiện ông T1 đã nhận của bà H 115.000.000 đồng để bán một bộ sa-lông gỗ nhưng không giao hàng theo thỏa thuận, vi phạm Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ, thông báo cho ông T1 về yêu cầu khởi kiện của bà H và triệu tập ông T1 tham gia tố tụng nhưng ông T1 không tham gia, không cung cấp chứng cứ, không có ý kiến phản bác.

Bà H đã cho ông T1 gia hạn thời gian giao hàng nhưng ông T1 vẫn không thực hiện, bà H khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng và đòi lại số tiền đã giao là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Không giao được hàng, ông T1 cũng không trả lại số tiền đã nhận, bà H yêu cầu trả tiền lãi là thiệt hại của bà H do việc vi phạm hợp đồng của ông T1 gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả tiền lãi cho bà H theo mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Vào ngày 25-02-2019 Tòa án nhân dân huyện T thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà M, bà M khai bà và ông T1 ly thân từ tháng 01-2019, trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn ông T1 không tham gia tố tụng, bà M không yêu cầu giải

quyết về tài sản và nợ. Như vậy tại thời điểm ông T1 thực hiện giao dịch mua bán với bà H thì ông T1 và bà M là vợ chồng.

Giao dịch mua bán với bà H do ông T1 thực hiện, bà M không tham gia nhưng trong Biên bản lấy lời khai ngày 02-8-2019 bà M khai ông T1 làm nghề mua gỗ về thuê người khác đóng bàn ghế để bán, cùng bà lo chi phí trong gia đình và nuôi con, như vậy tiền thu được trong việc bán bàn ghế nhằm phục vụ chung cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M liên đới trả tiền cho bà H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà M kháng cáo không chấp nhận liên đới với ông T1 trả tiền cho bà H là không có căn cứ.

[3] Bản án sơ thẩm xét xử tranh chấp về hợp đồng mua bán nhưng không tuyên xử lý hợp đồng là thiếu sót, tuy nhiên việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên không cần phải sửa bản án sơ thẩm mà chỉ điều chỉnh cách tuyên án cho đúng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bà M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 110/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Hồng H đối với ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

- Hủy hợp đồng mua bán sa-lông gỗ giữa bà Cao Hồng Hiệp với ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M.

- Buộc ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Cao Hồng H 115.000.000 đồng tiền gốc và 32.775.000 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng là 147.775.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 và bà M chưa giao đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng ông T1 và bà M còn phải trả cho

bà H tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 7.389.000 (bảy triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

+ Hoàn trả cho bà Cao Hồng H 3.625.000 (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0015124 ngày 15-3-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0015983 ngày 31-10-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đồng

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng